

Số: /BC-HĐQT

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Năm báo cáo 31/12/2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154649
- Vốn điều lệ: 60.596.300.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.596.300.000 đồng
- Địa chỉ : Số 55 - đường Tô Hiệu - TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Số điện thoại: 02123.854.837
- Số fax: 02123.854.539
- Website: capnuocsonla.vn
- Email: sowasucom@gmail.com
- Mã cổ phiếu: NSL (dự kiến)

Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1963, nhà máy có công suất khoảng 1.200 m³/ngày, việc cải tạo hoàn tất vào cuối năm 1988 nhà máy được nâng công suất lên 2.400 m³/ngày

Đến cuối năm 1995, sau khi hoàn thành dây chuyền lắng lọc bổ sung và cải tạo trạm bơm cấp 2, nhà máy nước Bó cá được nâng công suất lên lên 5.000 m³/ngày.

Đối với tình hình quản lý ngành nước trong tỉnh: Trước năm 1993, UBND các huyện đã thành lập và trực tiếp quản lý các tổ phục vụ cấp nước cho từng thị trấn, với quy mô hoạt động rất nhỏ và công nghệ lạc hậu. Khi triển khai Nghị định 388/HĐBT của Chính phủ, Công ty đã từng bước tiếp nhận các bộ phận cấp nước này, từng bước đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao dần chất lượng cung cấp dịch vụ và tiến tới ổn định sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã trực tiếp quản lý các Chi nhánh cấp nước của 11/12 thị trấn trong tỉnh và đang là một trong số các Công ty cấp nước trong toàn quốc thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này.

Năm 1998 có thể coi là một bước ngoặt lớn trong cả chặng đường xây dựng và phát triển của ngành cấp nước đô thị tỉnh Sơn la, được đánh dấu bằng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và khởi đầu cho dự án Hiện đại hoá hệ thống cấp nước thị xã.

Công suất cấp nước: từ 12.000 tăng lên 40.000 m³/ngày, đủ khả năng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đô thị trong tỉnh.

Địa bàn hoạt động: bao gồm các phường nội thị và tiểu khu ven thị xã cùng với 10 thị trấn, 04 thị tứ khác. Với quy mô từ 8.500 hộ dùng nước (1998) tăng lên trên 47.000 hộ (năm 2016), tương đương 170.000 dân (trong đó 95% dân cư đô thị được cấp nước sạch).

Sản lượng nước thương phẩm: Năm 2016 đạt sản lượng 10.2 triệu m³.

Tỷ lệ thất thoát nước: Trong khoảng 4 năm gần đây công ty đã cải tạo lại hệ thống mạng lưới, tỷ lệ thất thoát nước hiện nay khoảng 15%.

Lao động, việc làm và thu nhập: do mở rộng địa bàn phục vụ và năng động trong kinh doanh, đã đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định ở mức 8.200.000 đ/người/tháng cho 270 lao động.

Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La là một trong số các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, nay được từng bước chuyển sang hoạt động kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết TW 3 từ 1/5/2005 công ty chính thức hoạt động với tên mới Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cán bộ và nhân dân trên địa bàn thị xã và các thị trấn huyện lỵ trong toàn tỉnh. Trong giai đoạn từ 1998 đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh, nhờ phát huy được sức mạnh của tập thể người lao động trong đơn vị, hoạt động của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, được các cơ quan quản lý cũng như đại đa số khách hàng sử dụng nước ghi nhận.

Khác với nhiều đồng nghiệp ở các địa phương, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chỉ thực hiện nhiệm vụ cấp nước cho các đô thị và cụm dân cư tập trung trong tỉnh (gồm cả các thị trấn huyện), nhiệm vụ thoát nước được tỉnh giao cho Công ty Môi trường Đô thị.

Thông tin chủ yếu về hoạt động của doanh nghiệp năm 2016 như sau:

- + Công suất thiết kế : 40.000 m³/ngày; Công suất khai thác: 33.000 m³/ngày
- + Số địa bàn quản lý : Thành phố Sơn La + 10 Thị trấn + 4 Thị tứ
- + Tổng số khách hàng : 45.000 đồng hồ các loại (tương đương 190.000 dân, chiếm 95% dân số đô thị của tỉnh)
- + Sản lượng nước ghi thu : 10,2 triệu m³; Doanh thu tiền nước: 98,3 tỷ đồng
- + Tỷ lệ thất thoát nước : 14 %.
- + Thu nhập bình quân : 8,1 triệu đồng/người/tháng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154649 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, cấp thay đổi lần 5: ngày 11/01/2016 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

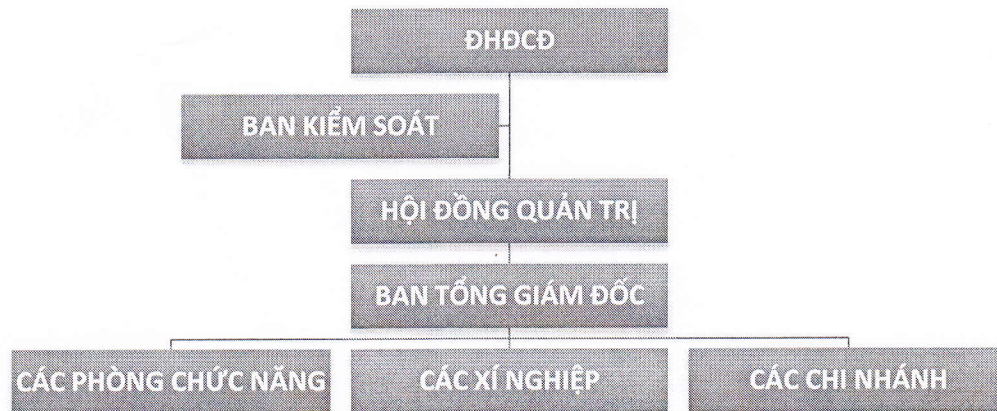
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cấp nước;	3600
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;	4390
3	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;	9321
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây dựng các công trình dân dụng;	4290
5	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;	7020
6	Xây dựng nhà các loại;	4100
7	Sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình.	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực các đô thị và vùng ven đô thị tỉnh Sơn La

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý

✦ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

✦ Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao

gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có hai Đại diện theo Pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT
4.	Ông Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT
5.	Ông Nguyễn Tiến Hán	Thành viên HĐQT
6.	Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT
7.	Ông Hoàng Sỹ Thành	Thành viên HĐQT

↓ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Danh sách thành viên BKS

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát
2.	Bà Giang Hồng Hạnh	Thành viên BKS
3.	Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên BKS

↓ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bùi Văn Đính	Tổng Giám đốc
2.	Ông Lương Thế Công	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Tiến Hán	Phó Tổng Giám đốc

✦ Các phòng chức năng

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành kế hoạch và kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt, nước uống đóng bình, giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành các dự án đầu tư xây lắp công trình.

Phòng quản lý chất lượng: Kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt và nước tinh khiết tại thành phố, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn các chi nhánh thuộc công ty. Tham mưu giúp việc trong công tác cấp nước an toàn.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động Tài chính như: quản lý vốn và sử dụng vốn; quản lý tài sản, sử dụng tài sản; quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh; quản lý sử dụng và phân phối lợi nhuận; lập, tổ chức thực hiện kế hoạch Tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán; và thực hiện nghĩa vụ thuế trong toàn Công ty với Nhà nước.

Phòng Quản lý khách hàng: Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khách hàng sử dụng nước toàn công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước.

Phòng Kiểm toán nội bộ: Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về các hoạt động tài chính kế toán nội bộ, kiểm tra, xác nhận và đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ công ty. Chức năng thư ký ISO 9001:2008 & ISO 22000-2005.

Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức – nhân sự của Công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hành chính của Văn phòng Công ty.

✦ Các xí nghiệp

Xí nghiệp cấp nước 1: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán, quản lý và tổ chức các dịch vụ bơi lội.

Xí nghiệp cấp nước 2: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

Xí nghiệp xây lắp: Tổ chức thi công, xây dựng các công trình dự án của công ty, lắp đặt công trình cấp nước phát triển khách hàng mới, cung ứng vật tư để phục vụ công tác sản xuất nước lọc tinh khiết như: bình, nhãn mác, vòi, sản xuất nước uống tinh khiết và quản lý kho nước thành phẩm, tiêu thụ sản phẩm nước tinh khiết.

Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

✦ Các chi nhánh cấp nước tại thị trấn huyện

Các chi nhánh tại thị trấn huyện: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

✦ Các công ty con, công ty liên kết Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La có 01 công ty liên kết, thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết: Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ: 55 Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần VBIC Sơn La: 8.000.000.000 đồng, tỷ lệ: 28,57%

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cấp nước;

4. Định hướng phát triển

↓ Mục tiêu chính:

Phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.

Phấn đấu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt đó là:

Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng CP)

Chương trình quốc gia chống thất thu thất thoát đến năm 2025 (QĐ số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng CP)

Tích cực triển khai công tác cấp nước an toàn theo thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ xây dựng.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Hiện tại 2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 M3	10.000	10.500	11.000	11.500	12.000	12.500	57.500
3	Tỷ lệ thất thu thoát	%	17	16	15	15	14	13	
4	Số lượng khách hàng	đồng hồ	45.000	47.000	49.000	51.000	54.000	57.000	
5	Tỷ lệ dân nội thị được cấp nước	%	95	96	97	98	99	100	
6	Tỷ lệ dân ven nội thị được cấp nước	%	15	20	30	60	80	100	
7	Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước	Km		45	45	45	45	45	225
8	Đầu tư BX và mở rộng mạng lưới cấp nước	Km		20	20	20	20	20	100
9	Đầu tư cải tạo và nâng CS nguồn nước	M3/ngày	44.000	47.000	50.000	54.000	58.000	62.000	
10	Đầu tư bổ xung CS nguồn nước	M3/năm		3.000	3.000	4.000	4.000	4.000	18.000

Số hộ khách hàng và sản lượng nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng 5%

Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2018 là 100%.

Tỷ lệ dân ven nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2020 là 100%.

Kiểm soát thất thoát bền vững đến 2020 đạt tỷ lệ <13%.

Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước mỗi năm khoảng 45 Km.

Đầu tư phát triển mạng lưới đường ống để mở rộng địa bàn mới mỗi năm 20Km.

Đầu tư cải tạo đổi mới công nghệ và nâng công suất nguồn nước (cả bổ sung mới) mỗi năm 3000-4000 M3/năm.

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NHIỆM KỲ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Hiện tại					
			2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	100.000	111.000	125.000	142.000	159.000	179.000
2	Giá nước	đ/m ³	10.000	10.000	10.800	11.700	12.600	13.600
3	Tổng chi phí	triệu đồng	94.254	97.985	109.880	123.621	137.783	151.500
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	5.746	13.015	15.120	18.379	21.217	27.500
5	Thuế thu nhập DN phải nộp	triệu đồng	287	651	756	1.838	2.122	5.500
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	5.459	12.364	14.364	16.541	19.095	22.000
7	Trích lập các quỹ:	45	2.459	5.564	6.464	7.441	8.595	9.900
+	Quỹ dự trữ bắt buộc theo qui định tại điều lệ công ty (%)	5	273	618	718	827	955	1.100
+	Quỹ đầu tư phát triển (30% LN sau thuế)	30	1.640	3.710	4.310	4.960	5.730	6.600
+	Quỹ phúc lợi và khen thưởng (tối đa 10% LN sau thuế)	5	273	618	718	827	955	1.100
+	Quỹ khác do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định (%)	5	273	618	718	827	955	1.100
8	Tổng tiền cổ tức	triệu đồng	3.000	6.800	7.900	9.100	10.500	12.100
9	Tỷ suất LN trước thuế vốn đầu tư của chủ sở hữu	%	5	11	12	13	14	15
	Thuế suất thuế thu nhập DN		5%	5%	5%	10%	10%	20%
10	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	60.596	62.200	65.900	70.200	75.200	80.900	87.500
11	Tỷ lệ tăng vốn chủ sở hữu mỗi năm (%)		3	6	7	7	8	8

Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2016 - 2020 phân đầu đạt như sau:

Doanh thu mỗi năm tăng khoảng từ 11-13% (trên cơ sở tăng sản lượng và tăng giá bán dự kiến)

Lộ trình tăng giá nước mỗi năm tăng tối thiểu 8% (từ 800-1000đ/m³; bởi riêng tỷ lệ mức lạm phát hàng năm đã khoảng 5%, chưa kể chênh lệch tỷ giá và chi phí vay vốn đầu tư các DA mới để phát triển).

Lợi nhuận trước thuế mỗi năm >15%

Trích lập các quỹ bằng 45% lợi nhuận sau thuế, trong đó ưu tiên quỹ dự trữ và quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế).

Phân đầu tỷ lệ cổ tức từ 2016 trở đi là 11% và mỗi năm tăng tối thiểu 1%.

Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu với tỷ lệ tăng hằng năm 6-8%.

⚡ Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017 công ty sẽ cải tiến và nâng cao chất lượng công tác tổ chức, công tác chỉ đạo điều hành sản xuất, công tác giảm nước thất thoát, thất thu, công tác cấp nước an toàn, công tác tài chính, công tác lao động và tiền lương cụ thể:

+ Công tác tổ chức:

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển và tạo nguồn cán bộ.

Duy trì việc thực hiện các nội qui, qui định của công ty.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

+ Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:

Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.

Đổi mới công tác giao ban tại các đơn vị sản xuất cũng như công ty để xử lý kịp thời, dứt điểm các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.

+ Công tác giảm nước thất thoát, thất thu:

Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát, áp dụng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả và có tác dụng bền vững.

Ứng dụng tin học và công nghệ mới cho công tác chống thất thoát.

Có kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân viên được tiếp cận, học hỏi và ứng dụng thành thạo phương pháp và trang thiết bị hiện đại dùng cho công tác chống thất thoát thất thu.

+ Công tác cấp nước an toàn:

Tập trung cao cho công tác cấp nước an toàn ở phạm vi toàn công ty, mỗi đơn vị phải xây dựng được kế hoạch cấp nước an toàn để thực hiện. Có giải pháp ngăn ngừa các nguy cơ mất an toàn đối với nguồn nước, mạng lưới và chất lượng sản phẩm.

Đầu tư cải tạo nâng cấp các trạm xử lý, trang bị các thiết bị kiểm soát chất lượng nước để nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ Công tác tài chính:

Đảm bảo công tác tài chính thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.

Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu.

+ Công tác lao động và tiền lương:

Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc

5. Các rủi ro

⚡ Rủi ro về kinh tế.

Việt Nam là nước có tốc độ phát triển cao và ổn định trong những năm vừa qua. Năm 2006 Việt Nam gia nhập tổ chức WTO đã tạo ra rất nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành dịch vụ nói riêng.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

⚡ Rủi ro về luật pháp.

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch.

✦ **Rủi ro đặc thù.**

- Rủi do về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước địa bàn khan hiếm về mùa khô, trong một vài thời điểm nguồn nước không đủ cung cấp.

- Rủi do về ô nhiễm nguồn nước: Các nguy cơ ô nhiễm do các cơ sở sơ chế cà phê của thành phố 1; Khai thác tài nguyên gây nhiễm đục nguồn nước, lạm dụng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

✦ **Rủi ro khác.**

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn, địch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016 Sản lượng và doanh thu							
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA							
Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La							
TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ thực hiện (%)		
				Thực hiện		So 2015	So KH
A SẢN XUẤT KINH DOANH Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016							
I Sản lượng Đơn vị tính: VND							
TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay 2016	Năm trước 2015	Tăng/giảm (%)	Ghi chú
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	117.127.127.993	107.668.449.366	1,09	
2.	Tỷ lệ thanh toán	%	02	17,1	15,0	14,85	86,8 99,0
III	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	109.280.028.726	120.023.000.000	117,632	166,497 107,6 98,0
III.1	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	90.779.608.339	88.157.635.589	1,03	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.347.519.654	19.510.813.777	1,35	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	44.083.459	83.822.377	0,53	
3.	Chi phí tài chính	"	22	637.938.972	2.870.055.708	0,45	71,7 60,5
4.	Nước lợ SOWA	"	23	1.812.596.896	937.553.921	1,93	86,7 82,6
8.	Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	"	24	3.799.953.181	2.000.000.000	1,35	35,7 67,8
5.	Xây dựng cơ bản	"	25	187.579.600	0	0	288,6
6.	Chi phí bán hàng	"	26	10.351.819.535	8.440.456.631	1,27	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	"	26	10.351.819.535	8.440.456.631	1,27	
III.10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.169.727.870	6.669.381.467	1,97	
III.3	Thu nhập khác	"	31	1.527.786.983	460.955.045	3,31	30,2
12.	Chi phí khác	32	VI.7	1.405.436	35.528.008	0,04	
13.	Lợi nhuận khác	40		459.549.609	1.492.228.975	0,31	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.629.277.479	8.161.610.442	1,67	
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		769.289.208	676.847.682		
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0		
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.859.988.271	7.484.762.760	1,72	
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		0	0		
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		12.859.988.271	7.484.762.760	1,72	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.016	1.173	1,72	2016 đ/CP
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	2.016	1.173	1,72	

So với thực hiện năm 2015 :

Tổng doanh thu tăng 7,6 % so với năm 2015, so với KH chỉ đạt 98% .

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 109% .

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 13,16 tỷ, tăng 197% .

Tổng lợi nhuận trước thuế 13,6 tỷ tăng 167%.

Lợi nhuận sau thuế 12,85 tỷ tăng 172%.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 2016 đ/cổ phiếu tăng 72%.

Doanh thu so với năm 2015:

Doanh thu cấp nước tăng 11,7%.

Doanh thu dịch vụ bơi lội giảm bằng 71,7%.

Doanh thu nước lọc giảm bằng 86,7%.

Hoạt động XD CB (35,7%) của Công ty chủ yếu là tự làm nội bộ, việc nhận làm B thi công cho bên ngoài là không đáng kể và không chủ động.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

2. Tổ chức và nhân sự

- Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đính	Thành viên
5	Nguyễn Tiến Hán	Thành viên
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
7	Hoàng Sỹ Thành	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ

1. Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai – Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 11, Ngõ 44, Phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- CMND số: 011896161 - Nơi cấp: CATP Hà Nội Ngày cấp: 3/7/2006
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 Tổng giám đốc – Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
 Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính - Hội Cấp thoát nước Việt Nam
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2016 – đến nay	Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng Giám đốc
12/2015 – đến nay	Công ty CP cấp nước Sơn la	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: không
 - ✓ Sở hữu đại diện: Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: 2.229.270 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 36,79% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2. Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/8/1964
- Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050228311 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 28/6/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó chủ tịch HĐQT – Phó tổng giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1989-11/1990	Xí nghiệp điện nước Mai Sơn	Tổ trưởng xây lắp;
12/1990-04/1993	Xí nghiệp công nghiệp nước Mai Sơn	Cán bộ kỹ thuật;
05/1993-02/1997	Phòng kế hoạch kỹ thuật; Công ty Cấp nước Sơn La	Cán bộ
03/1997-09/1997	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội phó đội xây lắp
10/1997-06/1998	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội trưởng đội xây lắp
07/1998-03/1999	- kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Phó phòng kế hoạch
04/1999-02/2000	Xí nghiệp cấp nước Thị xã Sơn La	Phó giám đốc
03/2000-06/2001	Ban chủ nhiệm dự án hiện đại hóa HTCN Thị xã Sơn La	Thành viên
07/2001-11/2003	Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng phòng
12/2003-9/2004	Ban quản lý các dự án cấp nước Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng ban
Từ 01/9/2004- 5/2005	Công ty Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 5/2005- đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện cho UBND tỉnh Sơn La: 1.575.500 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 26% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

3. Ông NGUYỄN VĂN BÁ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/11/1963
- Nơi sinh: Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tiểu khu 4, Thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050367435 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 10/8/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 -1986 đi bộ đội	Trương hạ sỹ quan quân đoàn 3	Thiếu úy
1986- 1988	Công tyXD Mộc Châu	Công nhân
1988 -1993	Xí Nghiệp Cơ khí diên, nước MC	Công nhân
1993 -2005	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Phó chi nhánh
2005 - 2015	Chi nhánh cấp nước MC	Giám đốc chi nhánh
2015 – đến nay	Văn phòng Công ty CPCN Sơn la	Phó tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 1.514.910 (tỷ lệ sở hữu: 25% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

4. Ông BÙI VĂN ĐÍNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/3/1958
- Nơi sinh:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường chiềng lè, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050319911 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 9/6/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP SVBIC
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1982 – 5/1988	Ủy ban XDCEB tỉnh Sơn la	Nhân viên
6/1988 – 3/1989	Sở xây dựng Sơn la	Nhân viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
4/1989 – 3/1990	Công ty XD I Sơn la	Phó phòng KHKT
4/1990 – 7/1993	Công ty XD I Sơn la	Trưởng phòng KHKT
8/1993 – 4/2005	Công ty cấp nước Sơn la	Phó giám đốc
5/2005 – 6/2012	Công ty CP cấp nước Sơn la	Giám đốc
7/2012 – 11/2015	Công ty CP cấp nước Sơn la	Chủ tịch HĐQT
12/2015 – đến nay	Công ty CP cấp nước Sơn la	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: không
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

5. Ông NGUYỄN TIẾN HÁN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/7/1957
- Nơi sinh: Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050466401 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 4/9/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1982-12/1982	Trung tâm giống bò sữa Hà Lan Sao đỏ - Sơn La	Cán bộ Kỹ thuật
01/1983-8/1989	Xí nghiệp Cơ Điện Mộc Châu	Trưởng phòng KHKT
8/1989-6/1992	Xí nghiệp Cơ Điện Mộc Châu	Phó GD xí nghiệp
7/1992-10/1995	Xí nghiệp Xây dựng và Cơ Điện Mộc Châu	Trưởng phòng Quản lý sản xuất
11/1995-4/1999	Xí nghiệp Xây dựng và Cơ	Đội phó Đội xi

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Điện Mộc Châu	mãng
5/1999-6/2005	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Giám đốc chi nhánh cấp nước Mộc Châu
7/2005-6/2007	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Trưởng phòng KHKT
7/2007-6/2012	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Cán bộ văn phòng
7/2012-nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: không
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

6. Ông NGUYỄN VĂN HỒNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/1/1967
- Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 011751556 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 2/11/2006
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty cổ phần MILLS Việt Nam
 - Ủy viên HĐQT Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1990 - 12/2014	Tổng công ty Đầu tư Nước và Môi Trường Việt Nam (VIWASEEN).	Giám đốc Trung Tâm/ Chi nhánh Kinh Doanh Vật tư chuyên ngành Cấp Thoát nước.
01/2015 - nay	Công ty CP Mills Việt Nam	Giám đốc Công ty

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

7. Ông HOÀNG SỸ THÀNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/9/1973
- Nơi sinh: Hưng Nguyên, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P309, B4 Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 012375829 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 03/12/2010
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 319 (CIC 319)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1998 đến năm 2008	Công ty Xây dựng Cấp thoát nước (Waseenco)	Nhân viên
Từ năm 2007 đến năm 2008	Tổng Công ty Viwaseen – Chi nhánh Kinh doanh	Phó Giám đốc CN
Từ năm 2008 đến năm 2009	Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Phó Giám đốc Cty
Từ năm 2009 đến năm 2013	Công ty Cổ phần Viwamex-Viwaseen	Giám đốc Cty
Từ năm 2013 đến năm 2015	Công ty Cổ phần Viwapico-Vinaconex	Phó Tổng Giám đốc
Từ năm 2015 đến nay	Công ty CP Đầu tư Xây dựng 319 (CIC 319)	Giám đốc Cty

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

- Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
-----	-----------	---------

1	Bùi Văn Đính	Tổng giám đốc
2	Lương Thế Công	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Tiến Hán	Phó Tổng giám đốc
4	Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc

- Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quyết Chiến	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Giang Hồng Hạnh	Thành viên

1. Ông TRẦN QUYẾT CHIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1973
- Nơi sinh: Ứng Hòa, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: : Tổ 6, P Chiềng Lê, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050311705 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 17/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP SVBIC Sơn La
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
19/12/1990-12/1994	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Nhân viên
12/1994-8/1996	Công ty xí măng Sơn La	Kế toán viên
8/1996-1/19997	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Kế toán viên
1/1997-nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	-Nhân viên kế toán -Phó phòng kế toán -Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: Không
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan: Cao Thị Oanh sở hữu 2.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,03% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2. Bà GIANG HỒNG HẠNH

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 11/10/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: số nhà 37, phố Hồng Phúc, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội.
- CMND số: 011785820 - Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 04/06/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế 1994 -1998 - Trường đại học Tài chính Kế toán (nay là Học viện tài chính); Thạc sỹ kinh tế 2002 -2005 - Trường Đại học kinh tế quốc dân
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kiểm soát viên
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/1998 đến 1/2014	Công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam	Kế toán viên, phó phòng kế toán, Kế toán trưởng
Từ 4/2014 đến nay	Công ty cổ phần Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng:

3. Ông BÙI HỒNG NAM

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 09/10/1975
- Nơi sinh:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3, P Tô Hiệu , TP Sơn La , Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050345933 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 26/10/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng TCDN Sở tài chính Sơn La
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1995 – 10/2001	Công ty Du lịch khách sạn	Nhân viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	Sơn La	
11/2001- 4/2008	Phòng kế hoạch Công ty sách thiết bị trường học tỉnh Sơn La	Nhân viên
5/2008- 01/2013	Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Chuyên viên
01/2013- 02/2015	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-02/2016	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phụ Trách Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Bì Thư Chi bộ III- thuộc Đảng ủy Sở Tài chính
04/2015 - nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Đảng ủy viên – Đảng ủy Sở Tài chính
01/2006 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Kiểm soát viên
02/2016 –nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

✦ Kế toán trưởng: Ông KIM NGỌC NHIỆM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/09/1960
- Nơi sinh: Chương Mỹ Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, phường Tô Hiệu, TP Sơn La
- CMND số: 050217496 , Nơi cấp: CA Sơn La , Ngày cấp: 19/03/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
-----------	-----------------	---------

Từ năm 1979 -1987	C.ty cung ứng vật liệu XD Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1988 -1994	Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên VP
Từ năm 1995 - 1996	C.ty xây CP xây dựng số 1 Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1996 - 1997	C.ty CP xây dựng số 1 Sơn La	Kế toán trưởng
Từ năm 1998 đến nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP VBIC Sơn La Quá trình công tác
- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ).
 - ✓ Sở hữu cá nhân: : 10.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: Không
 - ✓ Sở hữu chứng khoán của người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

⚡ **Những thay đổi trong năm 2016:** Không có

- **Thống kê nhân sự**

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động đến ngày 30/12/2016
1	Trình độ đại học và trên đại học	44
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	57
3	Công nhân kỹ thuật	163
4	Lao động phổ thông	6
	TỔNG	270

⚡ **Chính sách đối với người lao động**

- Về tiền lương.

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Mức lương trung bình của Công ty năm 2015 là 7.9 triệu đồng/người/tháng; Năm 2016 là 8.1 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo:

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội

- Về chính sách khen thưởng:

Công tác đời sống đối với CBCNV: Thực hiện đóng BHXH, BHTN, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước. Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ

khác với người lao động theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Về sử dụng vốn đầu tư phát triển:

Báo cáo nguồn vốn tái đầu tư năm 2016								
TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016		Tỷ lệ thực hiện (%)		Ghi chú
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2015	So KH	
E	NGUỒN VỐN TÁI ĐẦU TƯ							
1	Năm trước chuyển sang	đồng	2.311.758.889		7.186.134.723			
2	Tăng trong năm	đồng	16.843.811.360	0	24.710.372.375			
	Trích khấu hao TSCĐ	"	13.160.617.999		13.570.515.460			
	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	"	3.683.193.361		1.932.501.787			
	Quỹ đầu tư phát triển 2015&2016	"	0		9.207.355.128			Với mức trích 2016 là :6,6 tỷ
3	Giảm trong năm	đồng	11.969.435.526	0	22.886.641.328			
3.1.	Trả nợ gốc vay ODA	đồng	5.716.992.918	0	5.774.605.110			
3.2.	Đầu tư TSCĐ	đồng	6.252.442.608	0	17.112.036.218			
	Đầu tư Nhà cửa vật kiến trúc	"	2.471.387.065		655.320.900			
	Đầu tư Máy móc thiết bị	"	2.328.541.000		2.977.644.599			
	Đầu tư Phương tiện vận tải truyền dẫn	"	1.417.732.725		13.479.070.719			
	Đầu tư Thiết bị, dụng cụ quản lý	"	34.781.818		0			
4	Số cuối năm	đồng	7.186.134.723	0	9.009.865.770			

- Nguồn vốn tái đầu tư 2015 chuyển sang: 7,186 tỷ
- Khấu hao năm 2016: 13,57 tỷ
- Sử dụng Trả nợ ODA năm 2016: 5,77 tỷ
- Sử dụng để đầu tư phát triển: 17,11 tỷ
- Còn lại: 9,01 tỷ

Số vốn tái đầu tư còn dư nêu trên thực chất đã được cân đối vào các dự án đã và đang thi công trong năm 2016 đã gần xong nhưng chưa hoàn tất thủ tục nghiệm thu thanh toán như: Tuyến ống và Trạm xử lý Nà Sản; Tuyến ống Bản Cọ - Bó cón...

b) Các công ty con, công ty liên kết

- Tên công ty: Công ty cổ phần VBIC Sơn La
- Trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu – Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Mã số DN: 5500522701
- Cơ cấu nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT

4	Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tổng giá trị tài sản	131.270.174.697	139.897.771.012
Doanh thu thuần	107.668.449.366	117.127.127.993
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.669.381.467	13.169.727.870
Lợi nhuận khác	1.492.228.975	459.549.609
Lợi nhuận trước thuế	8.161.610.442	13.629.277.479
Lợi nhuận sau thuế	7.484.762.760	12.859.988.271

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2.365	1.638
+ Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1.606	0.817
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	0.486	0.440
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	0.949	0.785
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	9.704	7.871
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.84	0.86
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	6.95	10.98
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	11.99	17.65
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6.19	11.24

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

✚ Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	5.319.680	88.8
2	Cổ đông nhỏ	739.950	12.2
3	Cổ đông trong nước	6.596.300	100
4	Cổ đông nhà nước	3.090.410	51
5	Cổ đông tổ chức	5.319.680	88.8
6	Cổ đông cá nhân	739.950	12.2

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La		Đồi Khau Cả, thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La	3.090.410	51
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	0106517006 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Tầng 6, tòa nhà 57, Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội (Người Đại diện: Nguyễn Trọng Hiếu)	2.229.270	36.8

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 mặc dù công ty vẫn còn nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực chung của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, công ty đã hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Sản xuất liên tục phát triển theo hướng bền vững; So với năm 2015, công ty tiếp tục giảm được tỷ lệ thất thoát, sản lượng tăng nhẹ, doanh thu tăng khá, hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, trả nợ các khoản vay đầy đủ kịp thời; cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo tiền lương thu nhập và các chế độ chính sách đối với người lao động.

So với những năm trước đây, năm 2016 cũng là năm thứ 2 liên tiếp công ty có kết quả sản xuất kinh doanh tốt, đạt mức lợi nhuận cao. Điều này không những đảm bảo cổ tức cho các cổ đông theo kế hoạch mà còn giúp công ty có thêm nguồn vốn đầu tư phát triển. Giúp cho doanh nghiệp không những bảo toàn mà còn phát triển được nguồn vốn ngày càng tăng.

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh so với cùng kỳ

Theo số liệu Báo cáo tài chính 2016 đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán cho thấy tình hình tài chính của công ty là lành mạnh. Cụ thể:

- Tổng doanh thu năm 2016 đạt 117.6 tỷ đồng, tăng 107.6% so với cùng kỳ năm trước (năm 2015: 109.2 tỷ)
- Lợi nhuận trước thuế năm 2016 đạt 13.6 tỷ đồng, tăng 167% so với cùng kỳ năm trước (năm 2015: 8.1 tỷ)

- Lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 12.86 tỷ đồng, tăng 172.7% so với cùng kỳ năm trước (năm 2015: 7.48 tỷ)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 2016 đ/cổ phiếu (tăng 172 lần so với 2015)
- Số nộp ngân sách tăng 135.8% so với năm 2015 và tăng 113.4% so với kế hoạch
- Thu nhập bình quân đầu người là 8.06 triệu đồng/người/tháng, tăng so với năm 2015 là 203% và tăng so với kế hoạch là 0.7%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/Giảm (%)	Ghi chú
1	Tổng tài sản	131.270.174.697	139.897.771.012	107	<i>Tổng TS tăng 7%, trong đó TSNH giảm và TSDH tăng</i>
	<i>Trong đó</i>				
+	Tài sản ngắn hạn	30.154.748.745	26.694.956.072	89	
+	Tài sản dài hạn	101.115.425.952	113.202.814.940	112	
2	Tổng nguồn vốn	131.270.174.697	139.897.771.012	107	<i>Tổng nguồn vốn tăng 7% trong đó nợ phải trả giảm và vốn chủ sở hữu tăng 16%</i>
	<i>Trong đó</i>				
+	Nợ phải trả	63.922.164.312	61.559.466.602	96	
+	Vốn chủ sở hữu	67.348.010.385	78.338.304.410	116	

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		Tăng/Giảm (%)
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	12.745.510.864	20	16.290.511.203	26.5	27.81
Nợ dài hạn	51.176.653.448	80	45.268.955.399	73.5	-11.54
Tổng nợ phải trả	63.922.164.312	100	61.559.466.602	100	-3.69

3. Kế hoạch sản xuất năm 2017

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch 2017	So 2016
A	SẢN XUẤT KINH DOANH					
I	Sản lượng					
1	Nước thương phẩm	M3	10.115.505	10.231.552	10.507.000	1.03
2	Số lượng khách hàng	Hộ	44.961	47.276	48.570	1.03

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch 2017	So 2016
3	Nước lọc SOWA	Bình	133.074	116.301	122.000	1.05
II	Tỷ lệ thất thoát	%	17.1	15	12	0.81
III	Doanh thu	Đồ n g	109.280.028.726	117.632.166.497	124.601.000.000	1.06
III.1	<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	“	107.668.449.366	117.127.127.993	124.101.000.000	1.06
1	Cấp nước	“	98.326.179.165	109.853.765.990	116.947.000.000	1.06
2	Lắp đặt nhỏ	“	2.904.201.552	3.348.098.558	3.440.000.000	1.03
3	Dịch vụ bôi lợi	“	637.938.972	457.131.636	526.00.000	1.15
4	Nước lọc SOWA	“	1.812.596.896	1.571.479.537	1.648.000.000	1.05
5	Xây dựng cơ bản	“	3.799.953.181	1.355.217.272	1.000.000.000	0.74
6	Khác	“	187.579.600	541.435.000	540.000.000	1
III.2	Doanh thu tài chính	“	83.822.377	44.083.459	40.000.000	0.91
III.2	Thu nhập khác	“	1.527.756.983	460.955.045	460.000.000	1
IV	Lợi nhuận trước thuế		8.161.610.442	13.629.277.479	14.150.000.000	1.04
V	Thuế TNDN phải nộp		676.847.682	769.289.208	799.000.000	1.04
VI	Lợi nhuận sau thuế		7.484.762.760	12.859.988.271	13.351.000.000	1.04
1	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang		-966.374.939	359.746.667	30.104.938	0.08
2	Lợi nhuận dùng để phân phối		6.518.387.821	13.219.734.938	13.381.104.938	1.01
VII	Phân chia lợi nhuận		6.518.387.821	13.219.734.938	13.380.630.000	1.01
1	Trích quỹ dự phòng		195.551.635	200.000.000	200.000.000	1.00
2	Trích quỹ đầu tư PT		2.607.355.128	6.600.000.000	6.600.000.000	1.00
3	Trích quỹ khen thưởng PL		325.919.391	330.000.000	330.000.000	1.00
4	Trả cổ tức		3.029.815.000	6.059.630.000	6.209.630.000	1.02
	Tỷ lệ cổ tức/Vốn ĐL	%	5	10	10	1.00
5	Lợi nhuận chuyển năm sau		359.746.667	30.104.938	41.000.000	1.36
VIII	Vốn điều lệ	Đồ n g	60.596.300.000	60.596.300.000	62.096.300.000	1.02
B	NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH	Đồ n g	17.362.585.109	23.583.484.754	26.283.800.000	1.11

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch 2017	So 2016
1	Nộp thuế VAT		6.575.201.218	7.037.494.325	7.454.000.000	1.06
2	Thuế TNDN		642.032.451	769.289.208	779.000.000	1.01
3	Nộp các sắc thuế khác		1.505.022.549	2.115.652.504	2.252.000.000	1.06
4	Nộp các khoản bảo hiểm		3.545.687.765	6.494.184.039	6.624.000.000	1.02
5	Các khoản nộp khác		5.094.641.126	7.166.864.678	9.174.800.000	1.28
	Giá DV thoát nước		4.673.628.630	6.742.058.250	8.612.800.000	1.28
	Phí nước thải CN		16.392.296	15.544.348	16.000.000	1.03
	Phí DVMT		404.620.200	409.262.080	546.000.000	1.33
C	TRẢ NỢ NƯỚC NGOÀI	Đồn g	6.615.377.613	6.566.834.031	6.560.000.000	1.00
	Gốc		5.716.992.918	5.774.605.110	5.770.000.000	1.00
	Lãi		898.384.695	792.228.921	790.000.000	1.00
D	TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG					
1	Số lao động	NG	270	279	285	1.02
	Chức danh QL chuyên trách		4	6	6	1.00
	Chức danh QL không chuyên trách		4	10	10	1.00
	Người lao động		262	263	269	1.02
2	Quỹ tiền lương	Đồn g	26.380.128.100	28.267.713.300	28.912.000.000	1.02
	Chức danh QL chuyên trách		1.466.000.000	2.165.000.000	2.214.000.000	1.02
	Chức danh QL không chuyên trách		158.000.000	676.700.000	692.000.000	1.02
	Người lao động		24.756.128.100	25.426.013.300	26.006.000.000	1.02
3	Lương bình quân				8.454.000.000	
	Chức danh QL chuyên trách		30.542.000	30.069.000	30.750.000	1.02
	Chức danh QL không chuyên trách		3.292.000	5.639.000	5.767.000	1.02
	Người lao động		7.874.000	8.056.000	8.056.000	1.00
E	NGUỒN VỐN TÁI ĐẦU TƯ					
1	Năm trước chuyển	Đồn g	2.311.758.889	7.186.134.723	9.009.865.770	1.25

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Kế hoạch 2017	So 2016
	sang	g				
2	Tăng trong năm	Đồn g	16.843.811.360	24.710.372.375	21.350.000.000	0.86
	Trích khấu hao TSCĐ		13.160.617.999	13.570.515.460	14.250.000.000	1.05
	Chênh lệch tỷ giá NT		3.683.193.361	1.932.501.787	500.000.000	0.26
	Quỹ ĐTPT 2015&2016		0	9.207.355.128	6.600.000.000	0.72
3	Giảm trong năm	Đồn g	11.969.435.526	22.886.641.328	39.100.000.000	1.71
3.1	Trả nợ gốc vay ODA	Đồng	5.716.992.918	5.774.605.110	5.780.000.000	1.00
3.2	Đầu tư TSCĐ	Đồng	6.252.442.608	17.112.036.218	33.320.000.000	1.95
4	Số cuối năm	Đồn g	7.186.134.723	9.009.865.770	-8.740.000.000	-0.97

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

↓ Những mặt làm được

Đánh giá chung trong năm SCKD hiệu quả, năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, đạt và vượt mức lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch đề ra; Triển khai các dự án đầu tư mở rộng với quyết tâm cao, tiến độ thi công nhanh, sớm đưa các công trình vào sử dụng, quyết toán và hạch toán

- Sản lượng nước thương phẩm tăng 1% đạt 10.231.000m³
- Doanh thu tăng 10%; Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 117 tỷ đồng
- Lợi nhuận đạt 13 tỷ
- Tỷ lệ thất thoát cả năm giảm > 2%, chỉ còn 14.86%
- Số hộ khách hàng tăng khoảng 5%, đạt 47.270 hộ
- Sửa chữa mạng lưới cấp nước tiếp tục đạt quy mô khối lượng lớn. Với >130km ống D40-63, D75-225, giá trị đạt 27 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân >8.2 triệu đồng/người/tháng. Tăng hơn năm trước và thực hiện trên mức lương tối thiểu nhà nước quy định
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, thực hiện chế độ BHXH, BHYT cho người lao động đầy đủ, đúng quy định.
- Công tác cấp nước an toàn: Đảm bảo áp lực, lưu lượng, thời gian; Đạt chất lượng theo quy chuẩn quy định.

↓ Những mặt chưa làm được

- Sản lượng nước thương phẩm chưa đạt kế hoạch năm
- Sản lượng nước thương phẩm tăng không nhiều so với 2015 (Tăng trưởng sản lượng >1% tăng trưởng rất thấp so với giai đoạn 2011-2015 là 3.5%, đặc biệt giai đoạn 2006-2016 đạt 6.5%)

- Nhiều hộ khách hàng lớn và khách hàng vùng ven, khách hàng tiếp giáp vùng phục vụ của nước sạch nông thôn khoan giếng tăng, giảm sản lượng sử dụng hoặc chưa sử dụng
- Dự án cấp nước Chiềng Pắc, Thuận Châu chưa hoàn thành
- Đến nay vẫn chưa khắc phục được các cơ sở chế biến cà phê, nông sản xả thải gây ô nhiễm nguồn nước, gây gián đoạn trong việc cấp nước sinh hoạt cho các hộ dân thuộc địa bàn quản lý của XN cấp nước thành phố 1
- Sản xuất nước lọc đóng bình, dịch vụ hồ bơi chưa đạt kế hoạch năm.
- Trong công tác sửa chữa công trình, xây dựng công trình vẫn còn nhiều phàn nàn, kiến nghị trong nhân dân; gây cản trở giao thông, làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng kỹ thuật, gây mất mỹ quan đô thị trong thi công và sau khi hoàn trả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

❖ Về công tác điều hành

- Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Hàng tháng báo cáo HĐQT tình hình SXKD thông qua giao ban, kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.
- Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Về sản xuất kinh doanh:

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định.
- Chỉ đạo cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 (thể hiện trong báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2016).

❖ Về chính sách đối với người lao động:

- Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.
- Quyền lợi của người lao động của Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.
- Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước.

❖ Về chấp hành pháp luật: Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

3. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017
1	Sản lượng nước khai thác	M3	12.200.000
2	Sản lượng nước thương phẩm	M3	10.500.000
3	Tỷ lệ thất thoát	%	13
4	Số hộ khách hàng	Hộ	49.000
5	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	123.000.000.000
6	Lợi nhuận	Đồng	14.000.000.000

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017
7	Sửa chữa, đầu tư phát triển	Đồng	35.000.000.000
8	Trả nợ nước ngoài	Đồng	6.500.000.000
9	Thu nhập bình quân	Đồng	8.500.000
10	Chia cổ tức	%	12

⚡ Kế hoạch đầu tư phát triển:

- Hoàn thành công trình HTCN Chiềng Pắc, Thuận Châu
- Hoàn thành công trình HTCN Nà Sản
- Hoàn thành công trình HTCN giếng ngầm Bắc Yên
- Tiếp nhận và bàn giao HTCN cạnh khu trung tâm hành chính Mộc Châu
- Hoàn thiện và mở rộng tuyến QL 6 Mai Sơn – Nà Sản – Thành phố
- Hoàn thành tuyến ống dọc QL 6 Thuận Châu – Thôm Mòn – Tông Lạnh
- Mở rộng HTCN Thành phố về hướng Tây bắc Thành phố
- Mở rộng HTCN Phù Yên, Sốp Cộp, Đông Nam Thành phố
- Bổ sung, thay thế hệ lọc, cải tạo và nâng cấp nhà máy nước Sông Mã
- Bổ sung hệ thống lắng Lamén chi nhánh Mộc Châu, Thuận Châu, trạm Suối Ngọt – Chi nhánh Phù Yên, trạm 19/5 – Chi nhánh Mai Sơn, Quỳnh Nhai...
- Đầu tư hồ sơ lắng HTCN Thành phố
- Xây dựng trụ sở công ty, mua xe oto

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 14/12/2015. HĐQT đã tiến hành họp để bầu và nghị quyết chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh Ban Tổng giám đốc công ty. Danh sách HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đính	Thành viên
5	Nguyễn Tiến Hán	Thành viên
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
7	Hoàng Sỹ Thành	Thành viên

Năm 2016, HĐQT đã quản lý và điều hành công ty theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và triển khai nghị quyết của ĐH đồng cổ đông. HĐQT đã tổ chức ... cuộc họp theo định kỳ và đột xuất, hàng tháng HĐQT tham gia chỉ đạo họp giao ban để nghe Ban Tổng giám đốc và các đơn vị SX báo cáo và kiến nghị đề xuất các vấn đề liên quan hoạt động SXKD, kịp thời ra các quyết định phù

hợp.

2. Ban Kiểm soát

Ngày 14/12/2015, tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty đã bầu ra Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp lần thứ nhất bầu ra Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2015 - 2020 cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quyết Chiến	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Giang Hồng Hạnh	Thành viên

Ngay sau khi được thành lập, Ban kiểm soát đã tổ chức quán triệt, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; xây dựng và ban hành quy chế hoạt động, kế hoạch công tác nhiệm kỳ 2015 – 2020:

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Mục 5, Điều 59, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, đã kiểm tra giám sát tình hình hoạt động của Công ty với các nội dung sau:

Giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016 đối với HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và của Công ty. Kiểm tra, giám sát việc ghi chép sổ sách kế toán của Công ty và thẩm tra báo cáo tài chính 9 tháng năm 2016. Tham gia ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty. Trong kỳ, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp với nội dung sau:

STT	Thời gian	Nội dung cuộc họp
1	14/12/2015	Bầu Trưởng ban kiểm soát
2	03/07/2016	- Nắm bắt các quy trình của công ty, các quy chế quản trị nội bộ: Quy chế khoán sản phẩm - Kiểm tra sơ lược nội dung Báo cáo tài chính quý 1 + Kết quả SXKD, tính chính xác của BCTC + Kiểm tra các quy trình quản trị chi phí thanh toán sản phẩm nội bộ - Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và phân chia cổ tức + Tổng giám đốc thực hiện phân chia cổ tức năm 2015 đúng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2016
3	26/11/2016	Báo cáo hoạt động của BKS và thẩm tra Báo cáo tài chính 9 tháng năm 2016 - Các hoạt động của BKS + Tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và Ban tổng giám đốc trong phạm vi thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật của nhà

	<p>nước, đã có những ý kiến đóng góp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thường xuyên kiểm soát và theo dõi việc triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT đã đề ra. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều hành của BGD tại các đơn vị trực thuộc + Theo yêu cầu của luật pháp, BKS đã phối hợp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc ký hợp đồng kiểm toán độc lập với công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 + Trực tiếp kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tại thời điểm kết thúc mỗi quý và năm tài chính. + Tham gia vào việc xây dựng Nghị quyết của HĐQT + Ban hành Quy chế của BKS nhiệm kỳ 2015-2020 và phân công nhiệm vụ cụ thể của BKS + Hợp BKS quý 1 theo quy chế, cuộc họp quý 2 được gộp vào nội dung cuộc họp định kỳ quý 3. - Kế hoạch hoạt động cuối năm 2016 + Kiểm soát hoạt động của công ty thông qua các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc. + Chuẩn bị thủ tục trình Đại hội đồng cổ đông phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán, phối hợp với HĐQT ký hợp đồng kiểm toán theo phương án đã được lựa chọn. + Trực tiếp thực hiện công tác kiểm toán nội bộ BCTC năm 2016 + Trực tiếp kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT tại công ty và các đơn vị trực thuộc. + Xem xét ý kiến phản hồi của Ban Tổng giám đốc, các cổ đông và người lao động tại các phòng ban và các đơn vị trực thuộc.
--	--

✦ **Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD và tình hình tài chính**

- Kết quả sản xuất kinh doanh:
 - + Sản lượng nước thương phẩm tăng 1% đạt 10.231.000m³
 - + Doanh thu tăng 10%; Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 117 tỷ đồng
 - + Lợi nhuận đạt 13 tỷ
 - + Tỷ lệ thất thoát cả năm giảm > 2%, chỉ còn 14.86%
 - + Số hộ khách hàng tăng khoảng 5%, đạt 47.270 hộ
- Tình hình tài chính: Công ty quản lý tài sản hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, có khả năng thanh toán các khoản công nợ. Công tác tài chính kế toán được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Luật kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

✦ **Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, BTGD và Ban quản lý Công ty trong năm 2016.**

● **Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:**

HĐQT công ty gồm 7 thành viên, các thành viên HĐQT phần lớn cán bộ chủ chốt

làm việc lâu năm tại Công ty có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác. Sau kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, HĐQT đã tiến hành quán triệt phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Các thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; triển khai và thực hiện tốt nghị quyết đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất đã đề ra, đảm bảo hài hòa lợi ích cổ đông, nhà nước và người lao động.

Trong năm, trước yêu cầu nhiệm vụ đề tăng cường công tác quản lý sau khi chuyển đổi DN, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp bất thường khi cần để triển khai thực hiện công việc, các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của các thành viên Ban Tổng giám đốc (4 thành viên Ban Tổng giám đốc là 4 thành viên HĐQT) và Trưởng Ban kiểm soát, nhiều cuộc họp có mời thêm lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc. Hoạt động của HĐQT từng bước đi vào nề nếp, phát huy hiệu quả kịp thời chỉ đạo Ban điều hành để đưa ra định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu SXKD của Công ty, giúp Công ty có hiệu quả kinh doanh mang lại lợi ích cho các cổ đông. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- **Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:**

Các thành viên Ban giám đốc đều là thành viên HĐQT công ty và đều là thành viên trong Ban giám đốc công ty trước khi chuyển đổi. Vì vậy, các thành viên Ban Tổng giám đốc đều có kinh nghiệm trong việc điều hành Công ty và các chỉ đạo, quyết định của HĐQT đều có sự thống nhất của Ban Tổng giám đốc công ty. Ban Tổng giám đốc công ty đã điều hành hoạt động hàng ngày trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ công ty.

Cùng với Ban Tổng giám đốc, Tổng Giám đốc công ty đã triển khai đầy đủ và kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT và nghị quyết đại hội đồng cổ đông, thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty; chủ động lập kế hoạch quản lý, điều hành SXKD phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật.

Công tác chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ SXKD phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, theo đúng định hướng và nhiệm vụ công tác tại nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Ban giám đốc có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong tìm kiếm công việc, chỉ đạo thực hiện SXKD đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động. Ban giám đốc thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để bàn việc thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty và các đơn vị trực thuộc, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại thiếu sót.

Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, công tác tài chính của Công ty được thực hiện nghiêm túc theo quy định, hoạt động của Công ty được duy trì và có sự phát triển, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách đối với người lao động.

- **Kết quả giám sát hoạt động của Ban lãnh đạo các đơn vị trực thuộc:**

Ban lãnh đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, triển khai

thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc công ty, lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt kế hoạch SXKD, đảm bảo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- **Kiến nghị.**

Để tăng cường công tác quản lý, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty, đề nghị HĐQT và Ban giám đốc công ty tiếp tục chỉ đạo việc rà soát lại các quy định nội bộ của Công ty để xây dựng hoặc chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ của Công ty cho phù hợp với tình hình làm cơ sở thực hiện. Đồng thời quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo để góp phần nâng cao trình độ cho người lao động đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả công tác.

- **Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017:**

Tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát: Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong việc chấp hành điều lệ, nghị quyết đại hội đồng cổ đông, của HĐQT.

Từng thành viên Ban kiểm soát tích cực học hỏi, trau dồi kiến thức để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

3.Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2016

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao kế hoạch	Lũy kế tạm ứng từ đầu năm	Thanh toán bổ sung
1	2	3	4	5	6
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	124.800.000	98.300.000	26.500.000
2	Lương Thế Công	Phó chủ tịch HĐQT	71.800.000	57.700.000	14.100.000
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT	71.800.000	57.700.000	14.100.000
4	Nguyễn Tiến Hán	Thành viên HĐQT	71.800.000	57.700.000	14.100.000
5	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	71.800.000	57.700.000	14.100.000
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT	71.800.000	57.700.000	14.100.000
7	Hoàng Sỹ Thành	Thành viên HĐQT	71.800.000	57.700.000	14.100.000
8	Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát	22.900.000	18.000.000	4.900.000
9	Bùi Hồng Nam	Th/viên Ban kiểm soát	49.100.000	39.600.000	9.500.000
10	Giang Hồng Hạnh	Th/viên Ban kiểm soát	49.100.000	39.600.000	9.500.000
	Cộng		676.700.000	541.700.000	135.000.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan: Không có

VI. Báo cáo phát triển bền vững

1. Về môi trường.

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chung tay góp phần bảo vệ môi trường xanh và phát triển Cộng đồng là một trong những nội dung ưu tiên trong sự phát triển lâu dài của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La. Công ty tin rằng sự phát triển kinh tế phải đi liền với bảo vệ môi trường và Cộng đồng xã hội, có như vậy nền kinh tế mới có thể phát triển bền vững và lâu dài. Những năm qua, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La luôn xem công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như:

Trong công tác xây lắp, sửa chữa những năm qua Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào với phẩm cấp thấp. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về định mức sử dụng vật liệu cho mỗi công trình được tăng cường nhằm đảm bảo các công trình sử dụng đầu vào theo định mức kế hoạch đã đề ra từ ban đầu. Công tác giáo dục cho người lao động cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho anh em công nhân.

Công ty còn thực hiện nhiều biện pháp khác để bảo vệ môi trường như: quản lý và xử lý nước thải, bùn thải, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, nước ... Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào như Xanh – Sạch – Đẹp đối với các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

2. Về xã hội

- Trách nhiệm với người lao động.

Năm 2016, công tác chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Công ty tập trung chú trọng. Không chỉ thực hiện đầy đủ các thỏa ước trong hợp đồng lao động, Công ty còn nỗ lực tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đời sống tinh thần cho người lao động như tổ chức các phong trào thể dục thể thao, tổ chức cho người lao động có thành tích xuất sắc đi thăm quan du lịch. Ngoài ra, Ban giám đốc, Công đoàn công ty cũng thường xuyên thăm hỏi tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty để đưa ra các biện pháp giúp đỡ kịp thời để mỗi người lao động có thể an tâm công tác tại Công ty. Công tác lương thưởng, Bảo hiểm xã hội, v.v... được Công ty thanh toán, đóng góp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn đều được Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn đột xuất hoặc kêu gọi toàn thể CBCNV Công ty đóng góp giúp đỡ những hoàn cảnh quá quá khó khăn như bệnh tật, neo đơn v.v... Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào

hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, tổ chức tham quan du lịch nhằm khuyến khích người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động.

- Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng như các hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các gia đình đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ và ủng hộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Sơn La, ngày 28 tháng 02 năm 2017

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Đính



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

ĐOẠN NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	14 - 39



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cấp nước Sơn La theo Quyết định số 4546/QĐ-UB ngày 02 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24.03.000059 ngày 18 tháng 4 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 05 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp bổ sung Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi số đăng ký kinh doanh theo mã số doanh nghiệp là 5500154649, thay đổi Cổ đông sáng lập và thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty, trong đó thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Điện thoại : 0223.854 934
Fax : 0223.854 539
Mã số thuế : 5 5 0 0 1 5 4 6 4 9

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình dân dụng;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Lương Thế Công	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Bùi Văn Đình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hán	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Hoàng Sỹ Thành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Quyết Chiến	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Bà Giang Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đính	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Lương Thế Công	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Tiến Hán	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đính	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 12 năm 2015

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CHỖ
CỔ
ĐƠN
M T O
A
T A I
V G E

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Đình

Ngày 18 tháng 01 năm 2017

11
NH
V
G
H
&
H
A



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 01 năm 2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không được cung cấp tài liệu về các khoản vay ODA cho dự án Jbic Mộc Châu và dự án Cấp thoát nước Yên Châu (xem thuyết minh số V.14b) với số tiền lần lượt là 7.844.942.884 VND và 7.958.887.630 VND. Do vậy chúng tôi cũng không xác định được tính đầy đủ và hợp lý của các khoản vay trên cũng như lãi vay phải trả tương ứng.
- Số dư của Tài sản cố định khác (xem thuyết minh V.8) với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.911.751.840 VND và 1.279.707.149 VND là chênh lệch của tài sản từ giai đoạn cổ phần hóa. Chúng tôi không có đủ căn cứ để xác định tính đầy đủ và hợp lý của các tài sản trên.

BỘ TƯ LỆNH QUẢN LÝ THUẾ

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409 -2013-008-1
Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

HA
Y
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.694.956.072	30.154.748.745
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.539.792.629	11.146.496.355
1. Tiền	111		1.539.792.629	11.146.496.355
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.247.171.208	8.589.740.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.578.235.421	6.671.813.357
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	604.479.590	347.679.190
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.210.200.387	1.877.148.597
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(145.744.190)	(306.900.590)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	13.376.768.073	9.687.424.738
1. Hàng tồn kho	141		13.699.473.776	10.010.130.441
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(322.705.703)	(322.705.703)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.531.224.162	731.087.098
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.513.375.762	695.907.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	17.848.400	35.179.733
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.202.814.940	101.115.425.952
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.350.000.000	1.350.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.350.000.000	1.350.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		93.997.388.065	90.977.268.952
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	93.997.388.065	90.977.268.952
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>222.589.512.958</i>	<i>205.477.476.740</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(128.592.124.893)</i>	<i>(114.500.207.788)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.147.195.400	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	9.147.195.400	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.000.000.000	8.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	8.000.000.000	8.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		708.231.475	788.157.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	708.231.475	788.157.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		139.897.771.012	131.270.174.697

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.559.466.602	63.922.164.312
I. Nợ ngắn hạn	310		16.290.511.203	12.745.510.864
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.364.070.707	157.418.733
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		150.000.000	439.817.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	402.816.625	835.971.657
4. Phải trả người lao động	314		3.721.370.500	4.068.920.900
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	450.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	775.117.267	33.589.450
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	6.325.025.508	6.307.301.357
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	552.110.596	452.491.205
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		45.268.955.399	51.176.653.448
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	45.268.955.399	51.176.653.448
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.338.304.410	67.348.010.385
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	78.338.304.410	67.348.010.385
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.596.300.000	60.596.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.596.300.000	60.596.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	(1.486.040,145)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.358.140.494	1.555.233.731
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.219.734.938	6.518.387.821
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		359.746.667	(966.374.939)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.859.988.271	7.484.762.760
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		164.128.978	164.128.978
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		139.897.771.012	131.270.174.697

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





 Bùi Văn Đình

Trần Xuân Long

Kim Ngọc Nhiệm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

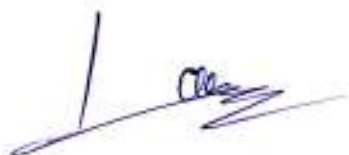
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	117.127.127.993	107.668.449.366
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		117.127.127.993	107.668.449.366
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	90.779.608.339	88.157.635.589
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.347.519.654	19.510.813.777
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	44.083.459	83.822.377
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	2.870.055.708	4.784.798.056
Trong đó: chi phí lãi vay	23		937.553.921	1.183.304.694
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	10.351.819.535	8.140.456.631
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.169.727.870	6.669.381.467
11. Thu nhập khác	31	VL.6	460.955.045	1.527.756.983
12. Chi phí khác	32	VL.7	1.405.436	35.528.008
13. Lợi nhuận khác	40		459.549.609	1.492.228.975
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.629.277.479	8.161.610.442
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	769.289.208	676.847.682
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.859.988.271</u>	<u>7.484.762.760</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	<u>2.016</u>	<u>1.173</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.8	<u>2.016</u>	<u>1.173</u>

Lập, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Xuân Long

Kim Ngọc Nhiệm

 98
 11 P
 CÔNG
 ANH
 TOÀN
 A
 TÀI
 3 Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		128.518.417.715	117.280.728.888
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(65.679.072.045)	(54.787.357.147)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.060.263.700)	(26.344.065.400)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(937.553.921)	(1.183.304.694)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(912.698.435)	(363.382.665)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.647.461.399	10.428.001.528
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.001.508.538)	(22.455.840.351)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.574.782.475	22.574.780.159
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(26.844.369.844)	(6.252.442.608)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(55.700.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26.844.369.844)	(6.308.142.608)

0-C
 11/11
 G.T
 M.H
 VÀ
 & C
 HAI
 1-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55, đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.307.301.357)	(6.138.140.170)		
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.029.815.000)			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(9.337.116.357)</i>	<i>(6.138.140.170)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.606.703.726)	10.128.497.381		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11.146.496.355	1.017.998.974		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>1.539.792.629</u>	<u>11.146.496.355</u>		

Người lập biểu



Trần Xuân Long

Kế toán trưởng



Kim Ngọc Nhiệm

Ngày 18 tháng 01 năm 2017

Tổng Giám đốc



Bùi Văn Đình



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, xử lý, cấp nước sạch và nước sinh hoạt;
Xây dựng các công trình dân dụng;
Sản xuất kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La có trụ sở chính tại Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 28,57%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh cấp nước Yên Châu	Tiểu khu 3, thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mường La	Số 72, Tiểu khu 3, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sông Mã	Tổ 2, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Bắc Yên	3-2, Tiểu khu 3, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Quỳnh Nhai	Quốc lộ 279, bản Pom Luông, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp Xây lắp cấp nước	Số 46, đường Cách mạng tháng Tám, tổ 9, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 1	Tổ 6, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Thành phố số 2	Số 116A, đường Điện Biên, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Tiểu khu 13, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Phù Yên	Khối 8, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Sốp Cộp	Bản Hua Mường, Sốp Cộp – Nậm Lạnh, xã Sốp Cộp, huyện Sốp

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
	Cộng, tỉnh Sơn La
Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn	Tiểu khu 20, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La
Chi nhánh cấp nước Thuận Châu	Số 14, đường Lò Văn Hặc, tiểu khu 15, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 273 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 273 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm tại Công ty chỉ có nghiệp vụ thanh toán tiền gốc và lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La. Theo hợp đồng vay thì khoản này được quy đổi ra Đồng Việt Nam khi thanh toán theo tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán. Do đó, số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá trung tâm tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SON LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm 2009, 2010 và 2011 được thực hiện theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính và từ năm 2012 thực hiện theo Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Theo thông tư 201/2009/TT-BTC thì chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.
- Theo thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012 và thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 thì chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Tuy nhiên, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ của các năm trước chưa phân bổ hết được tiếp tục phân bổ theo số năm còn lại.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức

CH
C
H
C
H
T
T
T

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là khoản chi phí xin cấp phép khai thác nước mặt, nước ngầm và nước thải vào nguồn nước. Chi phí này được phân bổ trong thời gian được cấp phép là 10 năm kể từ khi được cấp phép.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 32
Máy móc và thiết bị	3 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 26
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	20

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

ĐƠN VỊ
CÔNG TY
CẤP NƯỚC
SƠN LA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản phải thu khách hàng.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.347.100	16.026.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.535.445.529	11.130.469.455
Cộng	<u>1.539.792.629</u>	<u>11.146.496.355</u>

2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Là khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần VBIC Sơn La.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần VBIC Sơn La hoạt động trong lĩnh vực khai thác và cấp nước sinh hoạt, đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước..

Giao dịch với công ty liên kết

Giao dịch với Công ty Cổ phần VBIC Sơn La phát sinh trong năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua nước sinh hoạt từ VBIC Sơn La	861.557.600	178.507.600
Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành nhà máy cho VBIC Sơn La	379.570.800	81.492.600

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>7.578.235.421</i>	<i>6.671.813.357</i>
Phải thu khách hàng sử dụng nước	7.318.301.421	6.164.915.957
Phải thu các khách hàng khác	259.934.000	506.897.400
Cộng	<u>7.578.235.421</u>	<u>6.671.813.357</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LAĐịa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>604.479.590</i>	<i>347.679.190</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sơn La	145.744.190	145.744.190
Đoàn Tài nguyên nước đồng bằng Sông Hồng	153.150.400	200.000.000
Công ty TNHH Cơ điện HAWACO	253.000.000	
Các đối tượng khác	52.585.000	1.935.000
Cộng	604.479.590	347.679.190

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.210.200.387</i>		<i>1.877.148.597</i>	
Tạm ứng	2.054.304.900		1.782.113.110	
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	118.000.000		57.140.000	
Các khoản phải thu khác	37.895.487		37.895.487	
Cộng	2.210.200.387		1.877.148.597	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu tiền về tạm ứng dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>145.744.190</i>			<i>306.900.590</i>	
Ban giải phóng mặt bằng đoạn Sơn La - Tuần Giáo						
<i>Phải thu tiền xây lắp</i>				<i>>3 năm</i>	<i>161.156.400</i>	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sơn La						
<i>Phải thu tiền ứng trước</i>	<i>>3 năm</i>	<i>145.744.190</i>		<i>>3 năm</i>	<i>145.744.190</i>	
Cộng		145.744.190			306.900.590	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	306.900.590	681.862.904
Giảm do xử lý nợ		(374.962.314)
Hoàn nhập dự phòng	(161.156.400)	
Số cuối năm	145.744.190	306.900.590

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.345.118.312	(322.705.703)	8.993.835.960	(322.705.703)
Công cụ dụng cụ	1.122.671.742		780.691.742	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	231.683.722		235.602.739	
Cộng	13.699.473.776	(322.705.703)	10.010.130.441	(322.705.703)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	322.705.703	200.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung		122.705.703
Số cuối năm	322.705.703	322.705.703

CHỖ
CÓI
KH
TỔ
TẠI
3 B

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	30.307.893.657	123.427.851.386	49.291.523.754	538.456.103	1.911.751.840	205.477.476.740
Tăng do mua sắm mới		2.977.644.599				2.977.644.599
Đầu tư XD/CB hoàn thành	655.320.900		13.479.070.719			14.134.391.619
Số cuối năm	30.963.214.557	126.405.495.985	62.770.594.473	538.456.103	1.911.751.840	222.589.512.958
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.459.892.151	5.287.924.166	2.207.162.147	469.744.285		11.424.722.749
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	17.519.193.719	73.700.127.519	22.259.753.202	484.676.253	536.457.095	114.500.207.788
Tăng do khấu hao trong năm	1.769.609.795	8.573.716.512	3.632.275.014	20.728.188	95.587.596	14.091.917.105
Số cuối năm	19.288.803.514	82.273.844.031	25.892.028.216	505.404.441	632.044.691	128.592.124.893
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.788.699.938	49.727.723.867	27.031.770.552	53.779.850	1.375.294.745	90.977.268.952
Số cuối năm	11.674.411.043	44.131.651.954	36.878.566.257	33.051.662	1.279.707.149	93.997.388.065
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 539.582.483 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Sơn La.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển chi phí</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công trình: Cải tạo nâng cấp Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị tứ Nà Sản, huyện Mai Sơn		8.878.121.657			8.878.121.657
Công trình: Cải tạo nâng cấp tuyến ống D280-225 từ trạm km7 đến TBA 110KV và từ ngã 3 Chiềng ngắn đến TB Km10 P. Chiềng sinh		3.960.078.997	(3.960.078.997)		
Công trình: Cải tạo nâng cấp tuyến ống nước thô từ bản Thín về trạm xử lý		2.989.066.677	(2.989.066.677)		
Công trình: Tuyến ống cấp nước sinh hoạt, bổ sung nguồn nước cho Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1 và xã Hua La		2.961.058.891	(2.961.058.891)		
Công trình: Thi công tuyến ống D225,160 từ Nhà máy đường đến trạm 19/5 huyện Mai Sơn		2.506.217.475	(2.506.217.475)		
Công trình khác		2.209.773.675	(1.717.969.579)	(222.730.353)	269.073.743
Cộng		23.504.317.372	(14.134.391.619)	(222.730.353)	9.147.195.400

10. Chi phí trả trước dài hạn

Là khoản chi phí xin cấp phép khai thác nước mặt, nước ngầm và nước thải vào nguồn nước còn phải phân bổ.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	169.444.200	
Công ty cổ phần VBIC Sơn La	169.444.200	
Phải trả các nhà cung cấp khác	4.194.626.507	157.418.733
Công ty cổ phần Cúc Phương	2.166.262.574	
Công ty cổ phần thương mại VIWAPICO	1.667.778.200	
Các nhà cung cấp khác	360.585.733	157.418.733
Cộng	4.364.070.707	157.418.733

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.690.412		769.289.208	(912.698.435)	123.281.185	
Thuế thu nhập cá nhân		3.153.200	163.585.600	(162.280.800)		1.848.400
Thuế tài nguyên	117.259.389		1.799.082.041	(1.743.954.204)	172.387.226	
Tiền thuê đất		32.026.533	222.198.233	(190.171.700)		
Các loại thuế khác	452.021.856		2.629.475.734	(2.974.349.376)	107.148.214	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			19.245.800	(35.245.800)		16.000.000
Cộng	835.971.657	35.179.733	5.602.876.616	(6.018.700.315)	402.816.625	17.848.400

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động	Thuế suất
Hoạt động sản xuất kinh doanh Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt	5%
Hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm, được miễn thuế trong vòng 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo do là Doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển nhà máy nước, hệ thống cấp thoát nước.

Năm 2016 là năm thứ 08 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.629.277.479	8.161.610.442
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	269.805.436	35.528.008
- Các khoản điều chỉnh tăng (chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế)	269.805.436	35.528.008
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	13.630.939.481	8.197.138.450
Lỗi các năm trước được chuyển		(611.728.297)
Thu nhập tính thuế	13.899.082.915	7.585.410.153
<i>Trong đó: Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>	<i>13.403.515.830</i>	<i>5.834.956.185</i>
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	<i>495.567.085</i>	<i>1.750.453.968</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.439.465.000	968.595.492
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh chính</i>	<i>1.340.351.583</i>	<i>583.495.619</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động khác</i>	<i>99.113.417</i>	<i>385.099.873</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh chính (50%)</i>	<i>(670.175.792)</i>	<i>(291.747.810)</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	769.289.208	676.847.682

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước bề mặt với mức 1%, cho hoạt động khai thác nước ngầm là 3% trong 06 tháng đầu năm và 5% trong 06 tháng cuối năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	775.117.267	33.589.450
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	75.136.207	
Phí dịch vụ thoát nước phải nộp cho Cục thuế tỉnh Sơn La	666.391.610	
Các khoản phải trả khác	33.589.450	33.589.450
Cộng	775.117.267	33.589.450

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay và nợ**14a. Vay ngắn hạn**

Là khoản vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.14b).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.307.301.357	6.138.140.170
Kết chuyển từ vay dài hạn	6.325.025.508	6.307.301.357
Số tiền vay đã trả	(6.336.435.540)	(6.196.992.919)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán	29.134.183	58.852.749
Số cuối năm	6.325.025.508	6.307.301.357

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	45.268.955.399	51.176.653.448
Vay dài hạn ngân hàng	29.465.124.885	35.372.822.934
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La ⁽ⁱ⁾	29.075.124.885	34.472.822.934
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Sơn La ⁽ⁱⁱ⁾	390.000.000	900.000.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	15.803.830.514	15.803.830.514
- Vay vốn ODA dự án Cấp nước Jbic Mộc Châu	7.844.942.884	7.844.942.884
- Vay vốn ODA dự án Cấp nước Yên Châu	7.958.887.630	7.958.887.630
Cộng	45.268.955.399	51.176.653.448

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho Thành phố Sơn La với lãi suất 2%/năm, thời hạn vay 24 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 2 lần/năm, thanh toán lần đầu vào ngày 30 tháng 6 năm 2006.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Sơn La để đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước liên bản xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La với lãi suất linh hoạt được bên cho vay điều chỉnh theo định kỳ tối thiểu 3 tháng/lần, lãi suất tại thời điểm cho vay là 12%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng lô đất tại tổ 5 phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La và nhà xây trên diện tích đất trên.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.325.025.508	6.307.301.357
Trên 1 năm đến 5 năm	45.268.955.399	45.431.185.148
Trên 5 năm		5.745.468.300
Cộng	51.593.980.907	57.483.954.805

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ		Số cuối năm
		Số đầu năm	Số kết chuyển	
Vay dài hạn ngân hàng	35.372.822.934	417.327.459	(6.325.025.508)	29.465.124.885
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Sơn La	34.472.822.934	417.327.459	(5.815.025.508)	29.075.124.885
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Sơn La	900.000.000		(510.000.000)	390.000.000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	15.803.830.514			15.803.830.514
Vay vốn ODA dự án Cấp nước Jbic Mộc Châu	7.844.942.884			7.844.942.884

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ			
	Số đầu năm	cuối năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
<i>Vay vốn ODA dự án Cấp nước Yên Châu</i>	7.958.887.630			7.958.887.630
Cộng	51.176.653.448	417.327.459	(6.325.025.508)	45.268.955.399

14c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Tổng cộng
Số dư đầu năm	401.052.142	51.439.063	452.491.205
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	325.919.391		325.919.391
Tăng khác	2.300.000		2.300.000
Chi quỹ trong năm	(228.600.000)		(228.600.000)
Số dư cuối năm	500.671.533	51.439.063	552.110.596

20/10
 TRÁI
 GIÉM
 02/10

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SON LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư đầu năm trước	58.096.293.395	(3.845.465.533)	1.555.233.731	(966.374.939)	2.664.135.583	57.503.822.237
Chuyển vốn hỗ trợ từ ngân sách Dự án Chiến Ngân sang Vốn chủ sở hữu	2.500.000.000				(2.500.000.000)	
Lợi nhuận trong năm trước				7.484.762.760		7.484.762.760
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh năm trước		2.359.425.388				2.359.425.388
Tặng, giảm khác	6.605				(6.605)	
Số dư cuối năm trước	60.596.300.000	(1.486.040.145)	1.555.233.731	6.518.387.821	164.128.978	67.348.010.385
Số dư đầu năm nay	60.596.300.000	(1.486.040.145)	1.555.233.731	6.518.387.821	164.128.978	67.348.010.385
Lợi nhuận trong năm nay				12.859.988.271		12.859.988.271
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá vào kết quả kinh doanh năm nay		1.486.040.145				
Trích lập các quỹ			2.802.906.763	(3.128.826.154)		(325.919.391)
Chia cổ tức, lợi nhuận				(3.029.815.000)		(3.029.815.000)
Số dư cuối năm nay	60.596.300.000		4.358.140.494	13.219.734.938	164.128.978	78.338.304.410

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La)	30.904.100.000	30.904.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Việt Nam	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ đông khác	14.692.200.000	14.692.200.000
Cộng	60.596.300.000	60.596.300.000

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.059.630	6.059.630
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	10.000 VND

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 24 tháng 01 năm 2016 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.029.815.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.802.906.763
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 325.919.391

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La - Tiền giá trị xây lắp Trạm bơm tăng áp số 2 - Hệ thống cấp nước cho nhà máy đường Sơn La	111.668.900	111.668.900	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Phát triển Đô thị Sơn La - Thi công lắp đặt tuyến ống cấp nước D70 qua đường Chu Văn Thịnh	84.208.736	84.208.736	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trường Chính trị tỉnh Sơn La - Thi công tuyến cấp ống gang D100	25.031.277	25.031.277	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trại tâm thần tỉnh Sơn La - Thi công công trình	11.655.833	11.655.833	Phát sinh lâu, hồ sơ thất lạc
Hệ thống cấp nước tổ 18, Chiềng Lè - Khoản ứng tiền thi công công trình	40.730.000	40.730.000	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Hệ thống cấp nước Cò Nồi, Mai Sơn - Khoản ứng tiền thi công công trình	101.667.568	101.667.568	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	374.962.314	374.962.314	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	161.864.200	106.087.000
Kinh doanh nước thương phẩm	109.853.765.990	98.326.179.165
Kinh doanh nước đóng chai	1.571.479.537	1.812.596.896
Lắp đặt nhỏ	3.348.098.558	2.904.201.552
Cung cấp dịch vụ	836.702.436	719.431.572
Hợp đồng xây dựng	1.355.217.272	3.799.953.181
Cộng	<u>117.127.127.993</u>	<u>107.668.449.366</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa	161.864.200	106.087.000
Kinh doanh nước thương phẩm	84.146.445.655	79.005.599.275
Kinh doanh nước đóng chai	1.564.026.218	2.036.777.913
Lắp đặt nhỏ	3.375.767.646	2.875.604.994
Cung cấp dịch vụ	365.288.287	587.090.211
Hợp đồng xây dựng	1.166.216.333	3.546.476.196
Cộng	<u>90.779.608.339</u>	<u>88.157.635.589</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	937.553.921	1.183.304.694
Kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ các năm trước	1.486.040.145	2.359.425.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	29.134.183	58.852.749
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	417.327.459	1.183.215.225
Cộng	<u>2.870.055.708</u>	<u>4.784.798.056</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.788.298.892	5.095.988.791
Chi phí vật liệu quản lý	99.771.401	88.445.930
Chi phí đồ dùng văn phòng	392.393.797	214.122.856
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.047.852	70.055.814
Thuế, phí và lệ phí	30.547.278	35.754.396
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(161.156.400)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	812.018.637	418.274.902
Chi phí bằng tiền khác	2.313.898.078	2.217.813.942
Cộng	<u>10.351.819.535</u>	<u>8.140.456.631</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ bán phế liệu		47.981.818
Chênh lệch giá trị đánh giá lại của tài sản đem góp vốn		976.911.818
Thu tiền khoản doanh thu xe tải		16.000.000
Phí nước thải sinh hoạt được để lại đơn vị	459.646.045	467.362.863
Thu nhập khác	1.309.000	19.500.484
Cộng	<u>460.955.045</u>	<u>1.527.756.983</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	404.036	32.159.447
Khấu hao xe ô tô tải khoán cho đội		3.368.561
Chi phí khác	1.001.400	
Cộng	<u>1.405.436</u>	<u>35.528.008</u>

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.859.988.271	7.484.762.760
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(642.999.414)	(374.238.138)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(642.999.414)</i>	<i>(374.238.138)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	12.216.988.857	7.110.524.622
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.059.630	6.059.630
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>2.016</u>	<u>1.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.675.475.425	31.647.759.335
Chi phí nhân công	43.818.365.342	39.430.516.311
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.091.917.105	13.157.249.438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	860.233.937	418.274.902
Chi phí khác	9.681.517.048	8.889.783.950
Cộng	<u>101.127.508.857</u>	<u>93.543.583.936</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.731.419.100	1.121.476.400
Phụ cấp	555.600.000	
Cộng	<u>2.287.019.100</u>	<u>1.121.476.400</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần VBIC Sơn La là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

2. Số liệu so sánh

Các sai sót

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước" khi lập Báo cáo tài chính, số tiền 695.907.365 VND.

Khoản tạm ứng vốn kinh doanh dài hạn cho các Giám đốc chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đang được phản ánh trên chỉ tiêu "Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc" khi lập Báo cáo tài chính, số tiền 1.350.000.000 VND.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót đến số liệu so sánh như sau

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		695.907.365	695.907.365
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	731.087.098	(695.907.365)	35.179.733
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	1.350.000.000	(1.350.000.000)	
Phải thu dài hạn khác	216		1.350.000.000	1.350.000.000

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.539.792.629				1.539.792.629
Phải thu khách hàng	7.578.235.421				7.578.235.421
Cộng	9.118.028.050				9.118.028.050
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.146.496.355				11.146.496.355
Phải thu khách hàng	6.510.656.957			161.156.400	6.671.813.357
Cộng	17.657.153.312			161.156.400	17.818.309.712

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	6.325.025.508	45.268.955.399		51.593.980.907
Phải trả người bán	4.364.070.707			4.364.070.707
Các khoản phải trả khác	690.231.060			690.231.060
Cộng	11.379.327.275	45.268.955.399		56.648.282.674
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.307.301.357	45.431.185.148	5.745.468.300	57.483.954.805
Phải trả người bán	157.418.733			157.418.733
Các khoản phải trả khác	473.839.450			473.839.450
Cộng	6.938.559.540	45.431.185.148	5.745.468.300	58.115.212.988

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

ỦY BAN
 GIÁM ĐỐC
 VÀ T
 & C
 SƠN LA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sơn La với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Công ty chỉ có khoản vay bằng ngoại tệ với số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.574.820,60 USD (số đầu năm 1.837.290,72 USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 662.912.857 VND (năm trước giảm/tăng 744.038.436 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 900.000.000 VND (số đầu năm là 1.380.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2016.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.539.792.629		11.146.496.355		1.539.792.629	11.146.496.355
Phải thu khách hàng	7.578.235.421		6.671.813.357	(161.156.400)	7.578.235.421	6.510.656.957
Cộng	9.118.028.050		17.818.309.712	(161.156.400)	9.118.028.050	17.657.153.312

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	51.593.980.907	57.483.954.805	51.593.980.907
Phải trả người bán	4.364.070.707	157.418.733	4.364.070.707	157.418.733
Các khoản phải trả khác	690.231.060	473.839.450	690.231.060	473.839.450
Cộng	56.648.282.674	58.115.212.988	56.648.282.674	58.115.212.988

Phương pháp xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Sơn La, ngày 18 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Xuân Long

Kim Ngọc Nhiệm

Bùi Văn Đỉnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

Địa chỉ: Số 55 đường Tô Hiệu, tổ 5, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Sơn La)	30.904.100.000	30.904.100.000
Cổ đông khác	29.692.200.000	29.692.200.000
Cộng	<u>60.596.300.000</u>	<u>60.596.300.000</u>

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	6.059.630	6.059.630
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	6.059.630	6.059.630
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND	10.000 VND

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 24 tháng 01 năm 2016 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.029.815.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 2.802.906.763
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 325.919.391

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La - Tiền giá trị xây lắp Trạm bơm tăng áp số 2 - Hệ thống cấp nước cho nhà máy đường Sơn La	111.668.900	111.668.900	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Phát triển Đô thị Sơn La - Thi công lắp đặt tuyến ống cấp nước D70 qua đường Chu Văn Thịnh	84.208.736	84.208.736	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trường Chính trị tỉnh Sơn La - Thi công tuyến cấp ống gang D100	25.031.277	25.031.277	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Trại tâm thần tỉnh Sơn La - Thi công công trình	11.655.833	11.655.833	Phát sinh lâu, hồ sơ thất lạc
Hệ thống cấp nước tổ 18, Chiềng Lê - Khoản ứng tiền thi công công trình	40.730.000	40.730.000	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Hệ thống cấp nước Cò Nòi, Mai Sơn - Khoản ứng tiền thi công công trình	101.667.568	101.667.568	Phát sinh lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>374.962.314</u>	<u>374.962.314</u>	